

Số: *23* /2015/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày *07* tháng 8 năm 2015

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư  
các dự án thủy lợi, thủy điện trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg ngày 18/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đặc thù về di dân, tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 147/TTr-STNMT ngày 19 tháng 5 năm 2015,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

**Điều 2.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện; đồng thời theo dõi, kiểm tra và định kỳ 6 tháng, hàng năm báo cáo kết quả thực hiện cho UBND tỉnh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; thủ trưởng các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày *17* tháng 8 năm 2015 và thay thế Quyết định số 30/2010/QĐ-UBND, ngày 15/10/2010 của UBND tỉnh ban

hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Nơi nhận: *h*

- Như Điều 3;
- Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMT Tổ quốc VN tỉnh;
- Báo Đắk Lắk, Website tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Công báo, Đài PTTH tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Các phòng: CT, TH, TCTM, NN&MT;
- Lưu VT, NN&MT.

*50 đg*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



*Y Dham Ênuôi*

www.LuatVietnam.vn

**QUY ĐỊNH**

**Về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư các dự án  
thủy lợi, thủy điện trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 23 /2015/QĐ-UBND  
ngày 07/8 /2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy định này quy định cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk áp dụng cho các dự án được quy định tại Điểm a, Điểm b và Điểm c Khoản 1; Khoản 2 của Điều 1 Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg ngày 18/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đặc thù về di dân, tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện (sau đây gọi tắt là Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg).

2. Ngoài các nội dung tại bản quy định này thì việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với các dự án thủy lợi, thủy điện trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk được áp dụng theo Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg và Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (sau đây gọi tắt là Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND).

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan quản lý nhà nước về đất đai và thực hiện chức năng về công tác di dân, tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện; Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

2. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chính sách ổn định đời sống và sản xuất cho người dân sau tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện.

3. Người sử dụng đất quy định tại Điều 5 Luật Đất đai 2013 khi Nhà nước thu hồi đất; Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện các dự án thủy lợi, thủy điện.

4. Hộ gia đình sau tái định cư và hộ bị ảnh hưởng khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng khu, điểm tái định cư để thực hiện các dự án thủy lợi, thủy điện.

## Chương II CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ

### **Điều 3. Bồi thường về đất**

Căn cứ vào thực tế sử dụng đất tại khu vực thu hồi, việc ban hành quyết định thu hồi và phê duyệt phương án bồi thường về đất theo từng dự án thủy lợi, thủy điện cho hộ tái định cư và hộ gia đình bị ảnh hưởng thuộc đối tượng quy định tại Khoản 3 và Khoản 4, Điều 5 Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg có diện tích đất sản xuất nằm ngoài hành lang bảo vệ hồ chứa theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 112/2008/NĐ-CP ngày 20/10/2008 của Chính phủ về quản lý, bảo vệ, khai thác tổng hợp tài nguyên và môi trường các hồ chứa thủy điện, thủy lợi được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 66 Luật Đất đai 2013; Khoản 3 Điều 29 Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND.

### **Điều 4. Bồi thường về tài sản trên đất**

1. Hộ tái định cư có đất sản xuất bị thu hồi thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 và Khoản 2, Điều 6 Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg được bồi thường về tài sản trên đất theo các quy định về bồi thường tài sản của UBND tỉnh tại thời điểm lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư nếu tài sản được tạo lập trên đất không trái với mục đích sử dụng đất hoặc không có nguồn gốc sử dụng đất được xác định là lấn, chiếm trái phép của chủ sử dụng đất hợp pháp khác.

2. Trường hợp tài sản trên đất sản xuất của hộ tái định cư được tạo lập theo Hợp đồng liên kết được ký với Tổ chức có tư cách pháp nhân thì giá trị bồi thường tài sản trên đất sản xuất của hộ tái định cư được xác định căn cứ theo Hợp đồng liên kết.

3. Hộ tái định cư và hộ bị ảnh hưởng thuộc đối tượng quy định tại Khoản 3 Điều 6 Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg khi Nhà nước thu hồi đất được bồi thường bằng 80% giá trị làm lán trại mới.

### **Điều 5. Hỗ trợ di chuyển người và tài sản**

Hộ tái định cư thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 8 Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg (trừ các hộ gia đình, cá nhân đang thuê nhà ở không phải là nhà ở thuộc sở hữu nhà nước mà phải di chuyển chỗ ở quy định tại Điều 20 Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND) tại nơi phải di chuyển có đủ điều kiện tự di chuyển, tự nguyện vận chuyển người, tài sản được hỗ trợ bằng tiền để tự vận chuyển người và tài sản theo quyết định phê duyệt của UBND cấp có thẩm quyền với mức hỗ trợ không quá 7.000.000 đồng/hộ.

### **Điều 6. Hỗ trợ ổn định đời sống**

Mức hỗ trợ lương thực cụ thể tính theo nhân khẩu có tên trong Sổ Hộ khẩu hoặc tính theo lao động đối với hộ tái định cư tập trung và xen ghép thuộc các trường hợp quy định tại Điểm a và Điểm b, Khoản 1 Điều 9 Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg được tính bằng tiền tương đương 30 kg gạo tẻ thường cho một

nhân khẩu hoặc một lao động/tháng, với giá gạo được tính theo thông báo giá thị trường của Sở Tài chính tại thời điểm thực hiện hỗ trợ.

### **Điều 7. Hỗ trợ sản xuất**

1. Kinh phí khuyến nông cho hộ tái định cư thuộc đối tượng quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 10 Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg bao gồm các nội dung chi và mức chi hỗ trợ cho hộ gia đình được quy định tại Quyết định số 37/2012/QĐ-UBND ngày 19/10/2012 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông từ nguồn khuyến nông địa phương trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 03/2015/QĐ-UBND ngày 13/01/2015 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông từ nguồn khuyến nông địa phương trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, ban hành tại Quyết định số 37/2012/QĐ-UBND ngày 19/10/2012 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

2. Kinh phí khuyến nông quy định tại Khoản 1 Điều này được thực hiện gắn với mô hình sản xuất nông nghiệp theo chương trình, dự án khuyến nông được áp dụng tại khu tái định cư đó, với thời gian thực hiện hỗ trợ không quá 03 năm theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

3. Hộ gia đình bị ảnh hưởng thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 10 Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg khi Nhà nước thu hồi đất sản xuất để xây dựng khu, điểm tái định cư ngoài các chính sách về bồi thường, hỗ trợ được hưởng theo quy định thì được hỗ trợ một lần theo diện tích đất sản xuất bị thu hồi với mức hỗ trợ 2.000 đồng cho một (01) m<sup>2</sup> đất thu hồi.

### **Điều 8. Hỗ trợ khác**

1. Việc hỗ trợ tham quan điểm tái định cư theo quy định tại Khoản 1 Điều 11 Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg được hỗ trợ một lần theo quyết định phê duyệt của UBND cấp có thẩm quyền, với mức hỗ trợ không quá 7.000.000 đồng/hộ.

2. Hộ tái định cư nếu di chuyển sớm hơn thời gian thông báo của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì được thưởng tiền độ với mức 5.000.000 đồng/hộ.

3. Đối với đồng bào các dân tộc không có tập quán di chuyển mô mà được hỗ trợ một lần với mức 2.000.000 đồng/hộ để làm lễ tâm linh theo truyền thống.

### **Điều 9. Giao đất tại điểm tái định cư**

1. Hộ tái định cư đến điểm tái định cư tập trung nông thôn được giao 01 (một) thửa đất tại điểm tái định cư để làm nhà ở theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt với diện tích tối thiểu 200 m<sup>2</sup> và tối đa 400 m<sup>2</sup> cho một hộ.

2. Hộ tái định cư đến điểm tái định cư đô thị được giao 01 (một) thửa đất tại điểm tái định cư để làm nhà ở theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt với diện tích tối đa không quá 300 m<sup>2</sup> cho một hộ.

3. Hạn mức giao đất sản xuất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản tại điểm tái định cư tập trung nông thôn cho hộ tái định cư được căn cứ theo quy hoạch cụ thể tại điểm tái định cư đó, nhưng không quá 02 ha đối với đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản; không quá 30 ha đối với đất trồng cây lâu năm, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất.

**Điều 10. Các khoản hỗ trợ sau tái định cư**

1. Hộ gia đình sau khi được bố trí vào khu tái định cư nếu chuyên đổi từ vật nuôi có giá trị kinh tế thấp sang vật nuôi có giá trị kinh tế cao thì được hỗ trợ tiền mua giống, cụ thể như sau:

a) Hỗ trợ hai lần tiền mua giống trong trường hợp nuôi gia cầm và thủy sản, với mức hỗ trợ mỗi lần 5.000.000 đồng/hộ. Thời gian thực hiện hỗ trợ từ lần một đến lần hai được gắn với chu kỳ nuôi gia cầm và thủy sản đó.

b) Trường hợp nuôi gia súc được hỗ trợ một lần tiền mua giống với mức hỗ trợ 10.000.000 đồng/hộ.

2. Hộ gia đình sau khi được bố trí vào khu tái định cư thuộc diện hộ nghèo theo chuẩn nghèo do Thủ tướng Chính phủ ban hành tại thời điểm bố trí tái định cư được hỗ trợ lãi suất vốn vay bằng 50% lãi suất cho vay hộ nghèo hiện hành để mua giống gia súc, gia cầm, thủy sản hoặc phát triển ngành nghề với mức vay được hỗ trợ là 50.000.000 đồng cho một hộ, thời gian hỗ trợ lãi suất là 03 năm.

3. Hộ tái định cư được giao đất trồng rừng sản xuất được hỗ trợ một lần với mức hỗ trợ 8.000.000 đồng cho một ha để mua cây giống, phân bón và chi phí nhân công trồng rừng.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh; các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo, đề xuất UBND tỉnh xem xét, giải quyết.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Y Dhãm Ênuôi